

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

淨土大經解演義

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không Tập 139

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi chín, hàng cuối cùng:

“Hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý” (lại như gương sáng, chiếu suốt trong ngoài), *“Ảnh giả, quang ảnh dã. Sớng giả, thông đạt dã. Hải Đông Cảnh Hưng viết”* (Ảnh (影) là bóng của ánh sáng, Sớng (暢) là thông đạt. Ngài Hải Đông Cảnh Hưng nói), pháp sư Cảnh Hưng [nói], *“kính quang ngoại chiếu, danh vi ảnh biểu, tức đồng Phật thân quang minh ngoại thư. Ngoại chiếu chi quang hiển ảnh, sớng tại kính nội, diệc đồng sở phóng quang hoàn diệu nguy nan, cố vân biểu lý”* (ánh sáng của gương chiếu ra ngoài gọi là “ảnh biểu”, giống như thân Phật có quang minh tỏa ra ngoài. Ánh sáng chiếu ra ngoài lại hiện rõ hình ảnh trong gương, cũng giống như quang minh đã phóng ra bèn soi ngược lại, khiến cho vẻ mặt rạng rỡ. Do vậy, bảo là “biểu lý”). Chúng ta xem đoạn này.

Đây là câu kinh văn thứ hai: *“Hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý, hiện đại quang minh, số thiên bách biến”* (lại cũng như gương sáng, chiếu suốt trong ngoài, hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ). Đây là tỷ dụ, tỷ dụ chuyện đức Phật phóng quang. Trong kinh Đại Thừa, thông thường đức Phật phóng quang đều nhằm biểu thị pháp, biểu thị những nội dung được giảng trong lần này, từ sự phóng quang [thính chúng] sẽ có thể cảm nhận được. *“Ảnh sớng biểu lý”*: Ảnh (影) là hình bóng của ánh sáng, Sớng (暢) là thông đạt, chẳng bị chướng ngại. Hải Đông (海東) là Nhật Bản. Pháp sư Cảnh Hưng (景興) của Nhật Bản¹ có chú giải kinh Vô Lượng

¹ Thật ra, ngài Cảnh Hưng là người xứ Tân La (một vương quốc cổ vào thời Tam Quốc của Đại Hàn), không rõ năm sinh và năm mất (có thuyết nói Ngài sinh vào thế kỷ thứ bảy), có họ ngoài đời là Thủy, quê ở xứ Hùng Xuyên, xuất gia năm mười tám tuổi, tinh thông Tam Tạng, được tôn làm Quốc Sư, trụ trì chùa Tam Lang, chuyên tâm trước thuật. Ngài đặc biệt ưa thích kinh Hoa Nghiêm. Một hôm cưỡi ngựa vào hoàng cung, được Văn Thù Bồ Tát ngầm răn dạy, nên từ đó không bao giờ cỡi ngựa nữa. Ngài cho khắc sự tích này vào văn bia tại chùa Tam Lang. Ngài trước thuật khá nhiều, đặc biệt là các bộ Đại Bát Niết Bàn Kinh Sớ, Kim Quang Minh Kinh Thuật Tán, Tứ Phần Luật Yết Ma Ký, Đại Thừa Khởi Tín Luận Vấn Đáp, Du Già Luận Sớ... rất nổi tiếng. Ngài được tôn là sáng tổ của Pháp Tướng Tông tại Đại Hàn. Đặc biệt là bộ Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán của Ngài được các vị Nguyên Tín (Pháp Nhiên thượng nhân, sáng tổ Tịnh Độ Tông Nhật Bản) và Thân Loan (sáng tổ

Thọ. “*Kính quang ngoại chiếu*”: Đây là nói tỷ dụ, ánh sáng từ trong gương chiếu hắt ra, bèn gọi là “*ảnh biểu*” (影表). “*Tức đồng Phật thân quang minh ngoại thư*” (giống như thân Phật có quang minh tỏa ra ngoài): Đức Phật phóng quang, có khi là đỉnh đầu phóng quang, có khi phóng quang từ bạch hào. Bạch hào ở giữa hai chân mày, bạch hào phóng quang. Có khi là diện môn phóng quang, có khi toàn thân phóng quang. Trong đoạn kinh văn này, chẳng nói là bộ phận nào, nhưng “*oai quang hách dịch*” (oai quang rạng ngời, tràn trề) thì phải là quang minh nơi toàn thân, điều này hết sức đặc thù. “*Ngoại chiếu chi quang hiển ảnh*” (Ánh sáng chiếu ra ngoài soi rõ hình ảnh), ảnh ở chỗ nào? Ảnh ở trong gương. “*Sương tại kính nội*” (hiện rõ trong gương), “*diệc đồng sở phóng chi quang*” (cũng giống như quang minh đã phóng ra), ý nghĩa này được nói rõ trong câu kế tiếp: Ánh sáng không chỉ chiếu ra ngoài, mà còn tự chiếu chính mình. Đó là “*quang minh biến chiếu*” (quang minh chiếu trọn khắp). Chiếu ra ngoài là “*ảnh biểu*”, chiếu chính mình là “*biểu lý*”, trong lẫn ngoài đều chiếu.

“*Tĩnh Ảnh Sớ viết*” (Tĩnh Ảnh Sớ giảng), bản chú giải này là của Trung Hoa, tức Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, trong ấy cũng nói theo cách này: “*Kính quang ngoại chiếu, danh vi ảnh biểu. Ngoại chiếu chi quang, minh hiển kính nội, danh vi ảnh lý. Phật thân như thị, quang minh ngoại chiếu sở phóng chi biểu, hiển diệu Phật thân, danh ảnh biểu lý*” (Ánh sáng từ gương chiếu ra ngoài, gọi là Ảnh Biểu. Quang minh chiếu ra ngoài rồi lại hiện rõ trong gương gọi là Ảnh Lý. Thân Phật giống như vậy, quang minh chiếu ra ngoài là Biểu, chiếu rạng ngời thân Phật là Ảnh Biểu Lý). Tiếp đó, lão cư sĩ bảo: “*Án thượng lưỡng thuyết*” (Xét theo hai thuyết trên đây), đó là cách giảng của các vị tổ sư đại đức Trung Hoa và Nhật Bản từ xưa, “*Phật thân nội ngoại ánh triệt*” (thân Phật trong ngoài rạng ngời), phóng quang lần này rất đặc thù, toàn thân phóng quang, trong ngoài sáng ngời, “*dụ như minh tịnh chi kính*” (ví như tấm gương sáng sạch), dùng gì? Dùng tấm gương sáng ngời sạch lâu hết mức để tỷ dụ. “*Do kính phóng quang ngoại chiếu*” (từ kính tỏa ánh sáng chiếu ra ngoài), đó là “*ảnh biểu*”. “*Sở phóng quang minh hoàn chiếu kính nội*” (quang minh đã tỏa ra lại chiếu ngược vào kính), đó là “*ảnh lý*” (影裡).

Trong hai bản dịch đời Ngô và Hán, [các câu như] “*Phật quang số bách thiên sắc, số bách thiên biến, quang thậm đại minh, thượng hạ minh triệt, nguy nguy trùng minh, giai hiển ảnh sương biểu lý chi nghĩa*” (quang minh của Phật mấy trăm ngàn sắc, mấy trăm ngàn thứ biến hiện, quang minh rất

mực sáng rực, trên dưới chiếu thấu suốt, sáng ngời, càng sáng càng vắng bệch bội phần, đều nhằm nói rõ ý nghĩa “ảnh sáng biểu lý”). Đây là xét theo các bản dịch khác nhau. “*Tổng dịch vi diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm, tác cánh hiện Phật quang minh trung, ảnh hiện thập phương bảo sát, như đại viên bảo kính, ánh hiện thập phương. Như Chân Giải sở thích: Tác quang nhan nguy nguy trung, ảnh hiện bảo sát trang nghiêm tướng, kỳ do châu bảo kính trung, năng hiện sâm la vạn tướng. Thượng thuyết chánh hiện Hoa Nghiêm cảnh giới*” (Câu “sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm” trong bản Tổng dịch đã chỉ rõ: Trong quang minh của Phật hiện bóng mười phương cõi báu, như gương báu to tròn hiện bóng mười phương. Sách Chân Giải giảng rằng: “Trong ánh quang minh vắng vắng, hiện bóng tướng trang nghiêm của các cõi báu trong mười phương, giống như trong gương châu báu hiện ra tướng sâm la vạn hữu”. Thuyết trên đây thật đúng là đang nói về cảnh giới Hoa Nghiêm). Hợp mấy bản này lại để xem, có thể thấu hiểu đôi chút ý nghĩa sâu xa của quang minh này.

Hiện tượng này quả thật đã khiến cho ngài A Nan kinh ngạc, lạ lùng. Ngài nghĩ chuyện này hy hữu, thù thắng, đặc biệt. Trong quá khứ, nghe đức Phật giảng kinh, chưa hề thấy tướng tốt đẹp như vậy. Chúng ta biết ngài A Nan là thị giả của đức Phật, gần như mỗi buổi giảng Ngài chẳng vắng mặt. Đức Phật giảng kinh phóng quang là hiện tượng bình thường, Ngài cũng đều đã thấy; nhưng hôm nay thấy đức Phật toàn thân phóng quang, đó là chuyện hy hữu. Trong Phật pháp, quang minh biểu thị trí huệ, toàn thân phóng quang biểu thị điều gì? Trí huệ viên mãn. Bộ kinh này hiển lộ trí huệ viên mãn của Như Lai, có ý nghĩa này. Thật ư? Chẳng giả tí nào! Chỉ có riêng bộ kinh này là có thể độ hết thấy chúng sanh. Một vạn năm trong đời Mật Pháp đã trải qua một ngàn lẻ ba mươi bảy năm, từ nay trở đi hãy còn hơn tám ngàn năm, thật sự có thể đắc độ, thành tựu viên mãn trong một đời, chỉ có mỗi pháp môn này, mà cũng chỉ có mình bộ kinh này! Vì thế, [thời tiết, nhân duyên ấy] cảm Như Lai toàn thân phóng quang. Đức Phật phóng quang có phải là do ý nghĩ của chính Ngài hay không? Nghĩ sẽ phóng quang ở chỗ nào, bên phóng quang tại đó ư? Chẳng phải vậy. Nếu đức Phật có ý nghĩ, Phật sẽ biến thành phàm phu! Do vậy, chúng ta nhất định phải lý giải, phải ghi nhớ: Bất luận đức Phật biểu hiện như thế nào, Ngài chẳng hề khởi tâm động niệm! Chẳng khởi tâm động niệm, chúng ta biết phóng quang là cảm ứng. Quý vị nói xem: Pháp môn này, bộ kinh điển này có tác dụng lớn cỡ nào? Bao nhiêu chúng sanh được lợi ích? Tự nhiên. Như chúng ta đã thấy trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn phóng quang từ diện môn, chẳng phải là toàn thân. Do diện môn chẳng phải là toàn thân, chúng ta hiểu bộ kinh ấy cũng hết sức tuyệt diệu, nhưng độ người thuộc căn tánh nào? Bậc thượng căn trở lên. Trong quá khứ, Thiên Tông ắt phải tu kinh này, Mật Tông cũng phải tu.

Pháp môn này, tức pháp môn Tịnh Tông “*thích hợp khắp ba căn, gồm thấu lợi căn lẫn độn căn*”. Bất luận căn tánh như thế nào, trừ phi quý vị chẳng gặp gỡ, chứ khi quý vị gặp được, chẳng có ai không thành tựu!

Trong kinh có nói nhiều câu như thế, Phật quang “*mấy trăm ngàn màu*”, đó là màu sắc của quang minh. “*Mấy trăm ngàn thứ biến hiện*” là sự biến hóa. “*Quang minh rất mực sáng rực*”, “*trên dưới chiếu thấu suốt*”, quý vị thấy đó, “*sáng vàng vặc bội phần*”. Văn tự trong các bản dịch đều nhằm hiển thị ý nghĩa “*ảnh sáng biểu lý*”. Nhất là chẳng thể nghĩ bàn là như trong bản Tống dịch có nói, các bản khác chẳng có: “*Điện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm*” (Sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm). Bản ấy có câu này, [hàm nghĩa] trong quang minh hiện cõi nước, trong cõi nước hiện Phật, trong Phật quang có thể thấy các cõi nước của mười phương chư Phật. Điều này quá hy hữu, cảnh giới ấy là cảnh giới Hoa Nghiêm. Vì thế, cổ nhân nói: Kinh này được gọi là Trung Bản Hoa Nghiêm là có lý, lời lẽ ấy chẳng phải là nói tùy tiện. Chúng ta nghĩ tới sự thù thắng trong thế giới Cực Lạc, điều ấy cũng có thể khơi gợi chúng ta, khiến cho chúng ta tin sâu, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nhất định viên mãn Bồ Đề trong một đời, có thể chứng đắc Phật quả rốt ráo, tức Vô Thượng Bồ Đề. Pháp môn này ai nấy đều có phần, bất luận căn tánh như thế nào, thật sự chịu tu, chịu tin và chịu tu, người ấy chẳng phải là phạm nhân. Đừng thấy người ấy hiện thời dường như thiếu học thức, chẳng biết chữ, là hạng ông già, bà cả, người ta thiện căn trong đời quá khứ sâu dày. Nếu không, người ấy vừa nghe, vừa thấy, vì sao liền tin tưởng? Vì sao có lắm kẻ đọc bộ kinh này vẫn nửa tin, nửa ngờ? Người này chẳng biết chữ, chưa hề niệm kinh, quý vị dạy người ấy niệm A Di Đà Phật, người ấy liền tin tưởng, lạ lùng thay! Thật ra, nếu quý vị thâm nhập kinh tạng, sẽ chẳng thấy kỳ quái. Trong đời quá khứ, trong A Lại Da Thức [của người ấy] đã có căn, đã có chủng tử Phật pháp sâu dày, tương ứng với Tịnh Tông, nên mới có hiện tượng ấy. Người ấy chắc chắn thành tựu trong một đời.

Chúng ta xem mấy câu tiếp theo có nói rõ: “*Hiện đại quang minh, số thiên bách biến, chỉ Phật u hội thượng phóng đại quang minh, thuần tức vạn biến, quang sắc tham hồi, tự nhiên tối thắng*” (“hiện quang minh lớn biến hiện mấy trăm ngàn thứ”, ý nói: Trong pháp hội, đức Phật phóng quang minh lớn, trong chớp mắt, biến hiện muôn thứ, màu sắc của các tia sáng quyện lẫn vào nhau, trang nghiêm thù thắng tự nhiên). Mấy câu này sẽ được nói cặn kẽ trong phần kinh văn phía sau. Chúng ta trông thấy, có thể cảm nhận đức Phật phóng quang, trong quang minh biến hóa, màu sắc của các tia sáng hòa quyện lẫn nhau, các tia sáng chiếu rọi lẫn nhau, đẹp khôn kể xiết! Tiếp đó bèn nói: “*Tự nhiên tối thắng*”. Sự tự nhiên này do Tánh Đức vốn là

như thế đó. Các nhà khoa học hiện thời đã nói: Tất cả các hiện tượng trong vũ trụ sanh diệt đều chẳng lìa khỏi ý niệm. Điều này giống như Tướng Tông thường nói: “*Duy thức sở biến*”. Hãy đặc biệt chú ý chữ Duy. Duy (唯) là chỉ có một mình. [Duy Thức là] trừ Thức ra, thứ gì cũng chẳng có. Thức là gì? Thức là ý niệm. Duy thức sở biến (chỉ do thức biến) thì giới hạn trong mười pháp giới; ngoài mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật và đại Bồ Tát. Cảnh tượng trong ấy hẳn đã thành tựu bền chẳng thay đổi, nên gọi là Nhất Chân, bất biến! Con người [trong cõi Thật Báo] sống thọ vô lượng, mà cũng chẳng già suy, vĩnh viễn là dáng vẻ trẻ trung, bất biến. Vì sao? Họ chẳng có thức, thức là gì? Phân biệt, chấp trước, họ chẳng có. Không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, ngay cả khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Sở dĩ Nhất Chân pháp giới hiện tiền là do tập khí vô trí vô minh biến hiện, khoa học hiện thời chẳng phát hiện hiện tượng này. Thật ra, khoa học hiện thời cũng rất lỗi lạc, đã nói đến A Lại Da, [A Lại Da là] nguyên khởi của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Họ có thể nêu ra chân tướng sự thật, chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Đại Thừa từ ba ngàn năm trước. Khoa học đã chứng minh, giải thích cho chúng ta biết cảnh giới chứng đắc của chư Phật, Bồ Tát.

Trong đoạn văn này, lão cư sĩ nói: “*Như Pháp Hoa Kinh Tỳ Phàm viết: Mi gian bạch hào, đại quang phổ chiếu*” (như trong phẩm Tỳ của kinh Pháp Hoa chép: “Từ tướng bạch hào giữa mày có ánh sáng lớn chiếu khắp”). Trong phẩm Tỳ của kinh Pháp Hoa, đức Phật phóng quang từ tướng bạch hào. Trong các kinh điển, bạch hào phóng quang được nhắc tới nhiều nhất, cũng là thường thấy nhất, quang minh to lớn chiếu trọn khắp. “*Có tri ‘hiện đại quang minh’, tức bỉ chi đại quang phổ chiếu. Có tri Ngụy dịch trung chi ‘oai thần quang quang’ diệc ưng đồng thử, hàm biểu Phật chi oai quang minh diệu quang đại, vô năng tỷ giả*” (Do vậy biết “hiện đại quang minh” chính là “đại quang phổ chiếu” trong kinh ấy. Vì vậy, câu “oai thần rạng ngời” trong bản Ngụy dịch cũng tương đồng với câu này, cùng biểu thị quang minh oai thể chiếu soi rạng ngời của đức Phật rất rộng lớn, không gì sánh nổi). Phật, Bồ Tát phóng quang, quang minh ấy do đâu mà có? Từ trong trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh mà ra. Tìm kiếm căn nguyên của nó, căn nguyên ấy có sẵn trong tự tánh. Nó hiện tượng là phóng quang; người hiện thời nói [phóng quang] là hiện tượng vật lý, nhưng nó chẳng phải là vật lý, mà là Tánh Đức. Chúng ta nói là “quang”, giống như ánh sáng mặt trời, còn nói “điện”, tức “thiểm điện” (閃電: tia chớp) thì là hiện tượng vật lý. Phật, Bồ Tát phóng quang là hiện tượng từ tự tánh, hoàn toàn chẳng giống hiện tượng vật lý. Ánh sáng thuộc hiện tượng vật lý có thể tổn thương con

người, Phật quang nhu hòa, chẳng tổn hại con người. Phật quang chẳng nhưc mắt, mà nhu hòa. Dầu quang minh sáng đến mấy, vẫn chẳng tổn hại mắt.

Tiếp đó, sách viết: “*Chí u số thiên bách biến, tác đồng u bốn kinh Thọ Lạc Vô Cực phẩm*” (Còn như câu “mấy trăm ngàn thứ biến hiện” thì giống như trong phẩm Thọ Lạc Vô Cực của kinh này), câu này được nói trong phẩm ba mươi hai: “*Tự nhiên quang sắc tham hôi, chuyển biến tối thắng*” (tự nhiên màu sắc của từng tia quang minh hòa quyện vào nhau, chuyển biến tối thắng), có hai câu ấy. Chúng ta hãy đặc biệt chú ý chữ “*tự nhiên*”. “*Tự nhiên*” là nói rõ: Chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước. Sở dĩ quang minh hiện tướng, nhất định là do cảm ứng. Chúng sanh có cảm, Phật tự nhiên có ứng. Từ điểm này, chúng ta cũng có thể hoàn toàn lãnh hội: Phật vì hết thấy chúng sanh mà thị hiện đủ mọi thân tướng, đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy, quyết định là chẳng có nghĩ ngợi gì! Chẳng có ý niệm! Ý niệm là Thức. Chẳng có A Lại Da Thức, hoàn toàn do tự tánh lưu lộ. Chúng sanh cảm, sự cảm ấy có sức mạnh to lớn dường ấy, có thể khiến cho trí huệ và đức năng trong tự tánh hiện đủ mọi tướng, các thứ tướng ấy trọn đủ mấy trăm ngàn thứ biến hóa. Thấu hiểu mấy trăm ngàn thứ biến hóa ấy từ chỗ nào? Thật khó! Chúng ta rất may mắn, sanh trong thời đại này, do gặp gỡ Lượng Tử Lực Học nên chúng ta hiểu rõ. Chẳng gặp Lượng Tử Lực Học, sẽ chẳng hiểu Phật pháp, giống như Di Lạc Bồ Tát dạy: Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; đó là “mấy trăm ngàn thứ biến hóa”, vì mỗi niệm đều chẳng giống nhau. Xưa kia, để giải thích ý nghĩa này, chúng tôi đã nói là một tướng tương tự liên tục. Vì sao? Hoàn toàn chẳng phải là tương đồng, hai ý niệm hoàn toàn chẳng tương đồng, nhưng một niệm sanh diệt quá nhanh. Quý vị hãy ngắm xem: Đối với một cái khảy ngón tay, các đồng học chúng ta đã tính toán, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Ba trăm hai mươi triệu niệm, mỗi niệm đều khác nhau, một cái khảy ngón tay đầy nhé! Kinh nói là “mấy trăm ngàn thứ biến hóa”. Vì tích lũy nhiều ngàn ấy, nên mới sanh ra hiện tượng. Chúng ta có thể cảm nhận hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Hiện thời, các nhà khoa học phát hiện Lượng Tử, còn gọi là tiểu quang tử, biết nó là chuyện như thế nào: Ý niệm tích lũy liên tục, phát sanh huyền tướng. Nói cách này, chúng ta dễ hiểu. Trên thực tế, hoàn toàn giống như Di Lạc Bồ Tát đã nói, mà cũng là nói rõ: Chân tướng của vũ trụ và nhân sinh do đức Phật đã thấy từ ba ngàn năm trước đến nay đã được các nhà khoa học chứng thực, là thật, chẳng giả!

Liễu giải chân tướng sự thật thì quý vị mới có thể thật sự buông xuống. Vì sao chẳng thể buông xuống? Do chẳng liễu giải chân tướng. Nay chúng ta có thật sự liễu giải hay chẳng? Chẳng có! Vì sao? Nay chúng ta chỉ nghe nói

mà thôi, biết là có chuyện như thế đó, vì sao vẫn chẳng thể buông xuống? Làm thế nào để chúng tỏ quý vị thật sự liễu giải? Thật sự buông xuống, chúng tỏ quý vị thật sự hiểu rõ. Chẳng buông xuống, chúng tỏ quý vị vẫn chưa thật sự hiểu rõ. Trong bài kệ Hối Hướng có câu: “*Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu*” (nguyện đạt được trí huệ thật sự hiểu rõ), trí huệ ấy là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh. Trí huệ ấy mà khai, quý vị sẽ thật sự hiểu rõ. Thật sự hiểu rõ, sẽ thật sự buông xuống, ngay cả ý niệm trong tâm cũng chẳng tồn tại thì mới là thật sự buông xuống. Có lúc vẫn khởi tâm động niệm thì chưa được! Chưa buông xuống! Buông xuống chẳng dễ dàng, cũng có nghĩa là chẳng dễ gì thật sự hiểu rõ! Hiểu biết nửa vời thì được, chứ thật sự hiểu rõ ràng thấu triệt khó lắm! “*Cố tri Ngụy dịch trung chi oai thần quang quang diệc ưng đồng thử*” (vì thế biết câu “oai thần rạng ngời” trong bản Ngụy dịch cũng phải giống như câu này), có cùng một ý nghĩa, đều là biểu thị oai quang của Phật, tức là quang minh oai đức của Ngài chiếu soi rộng lớn, chẳng gì có thể sánh bằng!

“*Tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng*” (tự nhiên màu sắc của từng tia quang minh hòa quyện vào nhau, chuyển biến tối thắng), sự chuyển biến tối thắng ấy chính là điều thứ hai trong ba thứ trọn khắp như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói, từ trọn khắp pháp giới, “*xuất sanh vô tận*”. Xuất sanh vô tận là thuận theo ý niệm, là A Lại Da; nói cụ thể, sẽ là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đồng thời xuất hiện. Kệ đó là nói: “*Đồng biểu Phật quang tự nhiên giao tham hồi chuyển, quang sắc biến hóa dữ biến dữ thắng, vô hữu cùng cực*” (cùng biểu thị Phật quang tự nhiên hòa quyện vào nhau, xoay chuyển, màu sắc của quang minh biến hóa, càng biến hóa càng thù thắng chẳng cùng cực). Khi khai ngộ, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp*”, đây cũng là nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Lớn thì chúng ta nói đến thế giới Hoa Nghiêm, nhỏ thì chúng ta nói đến cảnh giới trước mắt, càng biến hóa càng thù thắng, chẳng có cùng tận. “Chẳng có cùng tận” rất khó hiểu, đây là Tánh Đức, nó biến hóa đúng là chẳng có cùng tận, rất khó tưởng tượng. Câu kinh văn này khiến cho chúng tôi nghĩ đến lúc bé chơi kính vạn hoa rất giống chuyện này. Kính vạn hoa cấu tạo hết sức đơn giản; từ đó, quý vị có thể thấy hai câu này, càng biến hóa càng thù thắng, chẳng có cùng tận. Ngay cả kính vạn hoa mà còn hiển thị cảnh giới, hướng hồ tự tánh. Tự tánh là một ống kính vạn hoa lớn.

“*Tôn giả A Nan, tức tự tư duy*” (Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ), “*tôn giả A Nan nãi bốn kinh chi đương cơ*” (tôn giả A Nan là đương cơ của kinh này). Đương cơ của bộ kinh này là hai vị, nửa bộ trước là tôn giả A Nan, nửa bộ sau là Di Lặc Bồ Tát, biểu thị ý nghĩa rất sâu về mặt pháp. Ngài A Nan

biểu thị pháp vận một vạn hai ngàn năm của Thích Ca Mâu Ni Phật. A Nan truyền thừa giáo học và giáo pháp của đức Phật, Di Lạc Bồ Tát biểu thị đức Phật kế tiếp. Di Lạc Bồ Tát hiện đang ngự trên trời Đâu Suất, tu gì? Tu tri túc, tri túc thường lạc. Đâu Suất có nghĩa là Tri Túc, Ngài tu tri túc ở đây. Thật sự tri túc thì mới có thể làm Phật. Kẻ chẳng tri túc sẽ chẳng thể thành Phật, ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu. Tri túc đến mức độ nào? Tri túc đến mức vô cầu, thật sự chẳng tranh cùng người, chẳng cầu nơi đời, thật sự tri túc, mảy may ý niệm đều chẳng có! Cuộc sống thì sao? Sống cuộc đời hoàn toàn tùy duyên, chẳng có gì không tốt. Trong cảnh giới, xác thực chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Chúng ta phải hiểu rõ, phải học tập điều này, ý nghĩa biểu pháp trong kinh này quá sâu!

Di Lạc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, thời gian còn rất dài. Kinh nói là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, Ngài mới từ trời Đâu Suất giáng hạ. Thời gian chẳng có Phật rất u là dài, nếu Phật, Bồ Tát chẳng quan tâm tới các chúng sanh khổ nạn, tâm từ bi ở chỗ nào? Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh khổ nạn. Chỉ cần chúng sanh có cảm, các Ngài bèn hiện, hiện thân gì vậy? Thân Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng là gì? Cần phải biết: Pháp môn Địa Tạng biểu thị lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, tôn trọng thầy. Nói đơn giản là hiếu kính. Hiếu kính là làm người, sanh lên cõi trời, đó là cội gốc to tát để thành Phật. Quý vị chẳng thể tiếp nhận Phật pháp, khi Phật chẳng trụ thế, bèn dùng gì để giáo hóa nhân dân? Dạy họ hiếu kính. Có thể làm được hai chữ này khó có lắm, người ấy đời đời kiếp kiếp chẳng đọa trong ba ác đạo, có thể giữ vững thân người. Trong tương lai, Di Lạc Bồ Tát xuất thế, người ấy có duyên phận, tức là có duyên phận với Di Lạc Bồ Tát, sẽ tham dự ba hội Long Hoa. Pháp hội của Di Lạc Bồ Tát vô cùng rộng lớn, chẳng giống Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật có tất cả hơn ba trăm hội, hơn ba trăm hội to nhỏ, Di Lạc Bồ Tát chỉ có ba hội. Chúng ta có thể lý giải, thời gian của ba hội ấy rất dài, trong mỗi hội chắc chắn có rất nhiều hội nhỏ thì Ngài mới có thể độ hết những chúng sanh hữu duyên. Phàm là những người tu hành chẳng đạt thành tựu trong thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng chứng quả, trong tương lai đều có thể tham dự ba hội Long Hoa, vì sao? Nay quý vị đã gieo thiện căn nơi Thích Ca Mâu Ni Phật, vẫn chưa thể thành tựu trong thời mạt pháp thuộc pháp vận Thích Ca Mâu Ni Phật, vậy thì quý vị sẽ thành tựu trong pháp hội của Di Lạc Bồ Tát. Mỗi vị Phật đều kế tục nhau độ chúng sanh, từ bi đến tột bậc!

Chúng ta phải hiểu: Đáng thương nhất là gì? Chính là đời đời kiếp kiếp chẳng thấy Phật pháp, chẳng nghe Phật pháp, trong A Lại Da Thức chẳng có

chúng tử Phật pháp, thật sự đáng thương! Người ấy chẳng có thiện căn. Nếu trong một đời có thể nghe một lần, nghe một câu A Di Đà Phật, liền gieo thiện căn trong A Lại Da Thức. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải liễu giải chân tướng sự thật này, niệm niệm chẳng quên giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, dùng phương pháp gì để giúp đỡ họ? Niệm Phật. Đối với hết thảy các động vật nhỏ, chúng ta thấy muỗi, trùng, kiến, bèn chấp tay “*A Di Đà Phật*”, gieo thiện căn cho chúng. Nhiều đời nhiều kiếp sau, chúng nó sẽ nhờ vào một câu A Di Đà Phật ấy mà đắc độ, ai gieo thiện căn ấy cho chúng? Quý vị gieo cho chúng. Người học Phật chẳng bỏ uổng ngày nào, niệm niệm chẳng bỏ lỡ, đó là gì? Chúng sanh vô biên thế nguyện độ. Lại còn thù thắng hơn là những chúng sanh mà nhục nhãn của chúng ta không thấy, họ ở chung quanh chúng ta, có khi chúng ta cảm nhận được, bèn niệm một câu A Di Đà Phật hồi hướng cho họ, họ sẽ cảm ơn. Những công đức tụng kinh, đọc kinh, giảng kinh của chúng ta hoàn toàn có thể chia sẻ cùng mọi người. Trong Phật pháp gọi là “hồi hướng”, danh từ hiện thời là “chia sẻ”, chẳng có ai không đạt được lợi ích. Thường giữ cái tâm này, niệm niệm chẳng bỏ, vô lượng công đức! Tu tập tích lũy công đức trọn chẳng nhất định phải tốn tiền. Có những kẻ giàu có, đâm ra chẳng biết tu công đức, những điều họ đã tu tập là phước đức. Công đức là Bồ Đề tâm, là thiện duyên, là tâm yêu thương hết thảy chúng sanh, nguyện tâm chẳng bỏ chúng sanh, đó là thành tựu công đức của quý vị. Tâm Bồ Đề của chúng ta cũng được bồi dưỡng như vậy trong cuộc sống hằng ngày. Do đó, trong đại hội hoằng pháp của chư Phật, quý vị cũng giống như tôn giả A Nan sẽ làm bậc đương cơ của đại hội.

Tiếp đó, sách viết: “*Nhược luận kỳ bản*” (nếu luận về Bản), Bản, tức căn bản của A Nan², “*thật diệc tùng quả hướng nhân chi Pháp Thân đại sĩ*” (cũng thật sự là bậc Pháp Thân đại sĩ từ quả hướng đến nhân). Nói rõ ngài A Nan cũng là thị hiện. Trong hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài có thân phận gì? Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Đó là biểu diễn trên sân khấu. Trên sân diễn, Ngài có thân phận là Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Sau sân khấu Ngài là gì? Sau sân khấu bèn là Pháp Thân Bồ Tát, bậc Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh. Từ quả hướng đến nhân thì tối thiểu chúng ta có thể tin tưởng, chẳng hoài nghi. Tiếp đó, còn chứng cứ, rất khó có: “*Pháp Hoa kinh trung Phật cáo Bồ Tát viết: Ngã dĩ A Nan đẳng ư Không Vương Phật sở, đồng thời phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. A Nan thường nhạo*

² Bản (本) ở đây có nghĩa là quả vị chứng đắc thật sự, trong khi Tích (跡) là những sự thị hiện nhằm hóa độ. Chẳng hạn, ngài A Nan thị hiện thân phận Sơ Quả Tu Đà Hoàn, nhưng Bản của Ngài phải là bậc Pháp Thân Đại Sĩ, vì trong kinh Pháp Hoa đã nói rõ các đệ tử Thanh Văn của Ngài là “*nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại thị hiện Thanh Văn*” (bên trong là hạnh Bồ Tát bí mật, bên ngoài hiện tướng Thanh Văn).

đa văn, ngã thường cần tinh tấn. Thị cố ngã dĩ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhi A Nan hộ trì ngã pháp, diệc hộ tương lai chư Phật pháp tạng, giáo hóa thành tựu Bồ Tát chúng” (Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật bảo các vị Bồ Tát: “Ta cùng nhóm ông A Nan ở chỗ Không Vương Phật đồng thời phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A Nan thường ưa Đa Văn, ta thường siêng tinh tấn. Vì vậy, ta đã đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà A Nan hộ trì pháp của ta, cũng sẽ hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu các Bồ Tát”). Chuyện này do chính đức Phật nói, chẳng giả. Ngài A Nan đúng là Pháp Thân đại sĩ thừa nguyện tái lai, đến biểu diễn cho chúng ta thấy. Đức Phật đã nói ra chuyện quá khứ. Ở đây, “ta” là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, Phật Thích Ca cùng “A Nan đấng”, [ý nói, ngoài A Nan ra] còn có người khác. “Ư Không Vương Phật” (ở chỗ Không Vương Phật), Không Vương Phật là tên gọi chung của hết thầy chư Phật, mỗi vị Phật đều có thể gọi là Không Vương Phật. Đây là nói tới sự chứng đắc của Ngài, chứng đắc lý Nhị Không, tức là mỗi vị Phật đều chứng đắc Nhân Ngã Không và Pháp Ngã Không. Ở đây, [Không Vương Phật] là một vị Phật trong quá khứ. Ngài nói khi ở chỗ Không Vương Phật, đức Thế Tôn và A Nan đều cùng tu Bồ Tát đạo, phát Bồ Đề tâm, đồng thời phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đó là Bồ Đề tâm. “A Nan thường nhạo đa văn” (A Nan thường thích nghe nhiều), tập khí khác nhau. A Nan chuộng nghiên cứu kinh giáo, có hứng thú hết sức rộng rãi. Nói cách khác, Ngài tiến bộ khá chậm chạp vì Ngài học quá nhiều thứ, quá tạp. Thích Ca Mâu Ni Phật thật thà hơn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, nên Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trước. “Thường cần tinh tấn” (thường siêng năng tinh tấn) là thâm nhập một môn.

Chư vị phải biết, thành Phật là do từ Giới, Định, Huệ mà thành tựu, chẳng phải là do học rộng nghe nhiều mà thành tựu, nhất định phải biết điều này. Nhưng căn tánh mọi người khác nhau, thử Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đối với người ưa thích học rộng nghe nhiều, đức Phật mở ra pháp gì? Pháp Tướng Duy Thức, mở ra môn học ấy. Mở ra môn học ấy là do chuyên vì loại người thuộc căn tánh đó. Thật sự là người thật thà, thượng căn lợi trí, đức Phật mở ra môn Thiền Tông, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, mau chóng lắm! Nếu là người trung hạ căn hoặc hạ hạ căn, có thể dũng mãnh tinh tấn, đức Phật liền mở ra Tịnh Độ Tông cho người ấy. Thâm nhập một môn, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, thành tựu trong một đời cũng chẳng thua kém kẻ khác. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát, chẳng thua sút người khác. Do nguyên nhân gì? Được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, trọn chẳng phải là giả. Lẽ nào A Di Đà Phật vọng ngữ? Điều kiện quan trọng nhất trong pháp môn này là lòng tin. Quý vị phải thật sự tin,

thật sự nguyện, chẳng thể có mảy may nghi lự nào, sẽ thành công. Nếu quý vị có hoài nghi, có nghi ngại, sẽ chẳng thể thành công, quý vị hành theo môn này chẳng trót lọt! Tuy chẳng hành trót lọt, đã gieo thiện căn. Có thiện căn ấy, quý vị có duyên gặp gỡ pháp môn này. Gặp pháp môn rồi lại tiếp tục tu, đến giai đoạn nào đó, thật sự buông xuống, sẽ thành tựu trong giai đoạn ấy. Trong một đời này, chúng ta đã hiểu rõ: Buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, sẽ thành tựu trong một đời này. Đời này niệm Phật chẳng thể vãng sanh, đời sau hoặc đời sau nữa còn có duyên phận, còn có thể tiếp tục tu học. Chúng ta hiểu rõ: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Chư Phật, Bồ Tát hộ niệm hết thảy chúng sanh còn chu đáo hơn mẹ hiền chăm sóc con thơ. Ân đức của Phật chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta thường quên mất Phật, nhưng Phật chẳng thời khắc nào quên chúng ta! Chúng ta được chiếu trụ trong Đại Viên Kính Trí của các Ngài, đó là sự gia trì của đức Phật đối với chúng ta. Bản thân chúng ta thật sự là phiền não, nghiệp chướng quá nặng, chẳng cảm nhận được, nhưng Phật thật sự gia trì chúng ta.

Ngài A Nan cũng hết sức khó có, ưa chuộng đa văn, phát tâm hộ trì Phật pháp. Vì thế, hoằng pháp và hộ pháp đều chẳng dễ dàng. Quý vị chẳng thông hiểu Phật pháp, làm sao hoằng pháp, làm sao hộ pháp? Phật pháp quyết định chẳng thể dùng ý nghĩa của chính mình để giải thích, [nếu dùng ý mình để giải thích thì] sai mất rồi! Kể từ xưa, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã xuất hiện trạng huống ấy, kinh Phật gọi trạng huống ấy là Tăng Thượng Mạn. Phiền não rất phiền phức, chướng ngại quý vị khai ngộ, chướng ngại quý vị chứng quả. Không chỉ là như thế, thậm chí còn chướng ngại thiện pháp của quý vị, phiền phức lắm! Vì quý vị tự cho là đúng, chính mình chẳng có chứng đắc, ngỡ đã chứng đắc, chẳng liễu giải, cứ ngỡ đã liễu giải, dạy bảo người khác như thế, hướng dẫn chúng sanh sai lầm. Hướng dẫn sai lầm, phải chịu trách nhiệm nhân quả. Quý vị xem công án của thiền sư Bách Trượng đời Đường sẽ thấy có kể một câu chuyện: “Nói làm một chữ chuyên ngữ, đọa thân chôn hoang năm trăm đời”. Vì sao tạo thành hiện tượng ấy? Tăng Thượng Mạn. Chỗ này cũng ban cho chúng ta một khai thị rất trọng yếu, học Phật quyết định chớ nên có tâm ngạo mạn, ngạo mạn là do chính quý vị không biết. Nếu người ta hỏi quý vị: “Tôi chẳng có ngạo mạn, rất khiêm hư, không ngạo mạn”, xác thực là chính người ấy chẳng thể cảm nhận [chính mình đang ngạo mạn]. Đối trị ngạo mạn như thế nào? Khiêm hư. Đối trị ganh tỵ như thế nào? Tùy hỷ. Bồ Tát đều có phương pháp [để đối trị các tật xấu ấy]. Căn bệnh rất nặng, quý vị chẳng có phương pháp đối trị, nó liền khởi tác dụng, chướng đạo.

Ngài A Nan hộ trì Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Xưa kia, Ngài là bạn học của Thích Ca Mâu Ni Phật. Một vị Phật xuất thế, ngàn đức Phật

ủng hộ, người có duyên với Phật đều đến giúp Ngài. Hoặc là dùng thân phận Bồ Tát, thân phận Thanh Văn, làm đệ tử, hoặc kẻ tại gia hộ pháp của Ngài, khiến cho một đời giáo học của Ngài được viên mãn. Ngài A Nan cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, Ngài nhất định đã phát đại nguyện ấy. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tiết lộ: “*Giáo hóa thành tựu Bồ Tát chúng*”. Nói là “*Bồ Tát chúng*”, cho thấy ngài A Nan là Đại Thừa, chẳng phải là Tiểu Thừa. “*Nhược luận kỳ Tích*” (nếu luận về Tích của ngài A Nan), Tích (跡) là thân phận thị hiện của Ngài trong hiện tiền, “*tắc vi kết tập Kinh Tạng, truyền Phật tâm ấn, truyền thọ Mật Thừa, thừa truyền đại giáo chi quan kiện nhân vật*” (là nhân vật then chốt kết tập Kinh Tạng, truyền tâm ấn của Phật, truyền dạy Mật Thừa, truyền thừa đại giáo). Thật sự hộ trì, nay chúng ta nói là “*hộ pháp*”. Hộ pháp chính là ba chuyện ấy. Kết tập Kinh Tạng: Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giảng kinh, giáo học, chẳng lưu lại văn tự, chẳng có kinh bản. Kinh do đâu mà có? Chẳng giống các tôn giáo thông thường. Các tôn giáo thông thường có rất nhiều kinh điển từ cõi trời giáng xuống, Phật giáo chẳng phải vậy. Phật giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên giảng cho mọi người trong thuở Ngài tại thế. Khi ấy, chẳng ghi chép bằng văn tự, do đâu mà có kinh điển? Ngài A Nan trùng tuyên, nhắc lại những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói một lượt. Năm trăm vị Đại A La Hán chứng minh cho Ngài, làm thính chúng. Nghe những lời A Nan đã nói, mọi người đồng ý, đều tán thành, thì mới có thể dùng văn tự để ghi chép, lưu truyền hậu thế, kinh Phật do như vậy mà có. Nếu có một người chẳng đồng ý, nói “tôi nghe đức Phật nói câu này không phải như vậy”, đoạn ấy phải gạt bỏ, thà thiếu chứ không thừa, nhằm giữ chữ tín với đời sau. Do đó, kết tập Kinh Tạng nghiêm ngặt như vậy, chẳng phải là thiếu sót phục tùng đa số. Chẳng phải vậy! Một người chẳng đồng ý bèn chẳng thông qua! Đó là kết tập kinh tạng, đó là hộ pháp trong thuở ấy, khiến cho những gì đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm chẳng đến nỗi bị tiêu mất!

Cổ nhân rất dụng tâm, chỉ sợ kinh điển bị thất truyền, đã khắc kinh điển lên đá, chứa trong hang núi, gọi là “*tàng chư danh sơn*” (cất giữ trong các quả núi danh tiếng) hòng lưu truyền hậu thế. Năm xưa, tôi đến Bắc Kinh thăm cụ Hoàng Niệm Tổ, quen biết hội trưởng hiệp hội Phật giáo thuở ấy là lão cư sĩ Triệu Phác Sơ. Chúng tôi nói chuyện hết sức hợp ý, lão cư sĩ bảo tôi: “Thầy đã tới Bắc Kinh, nhất định phải đến Phòng Sơn xem kinh đá”. Cụ sai người lái xe đưa tôi đi thăm, tôi thấy toàn bộ Đại Tạng Kinh, trong những kinh được khắc ấy còn có mấy bộ chẳng có trong Tạng Kinh hiện thời. Quý vị thấy họ đã sưu tập hoàn chỉnh dường ấy! Nghe nói những bộ kinh ấy đã khắc trong vòng tám trăm năm, khắc qua nhiều đời suốt tám trăm năm, cất trong thạch động tại Phòng Sơn. Dường như có tất cả bảy động, [kinh điển được] cất giữ trong bảy hang động, chữ rất lớn, khắc hết sức đẹp đẽ. Chúng

tôi thấy rất thích, cũng thấy hết sức cảm động trước dụng tâm của cổ nhân. Điều này thuộc về truyền thừa Kinh Tạng, chỉ sợ khi có tai nạn, kinh Phật bị thất truyền, nên dùng phương pháp ấy. Hiện thời, thuật ấn loát phát triển, để cho kinh Phật chẳng đến nỗi bị thất truyền, tốt nhất là ấn hành với số lượng lớn, cất giữ các nơi trên cả thế giới. Chúng ta biết là chắc chắn có tai nạn, nhưng chẳng thể là toàn thể thế giới có tai nạn, chẳng thể nào! Nói chung là vẫn có nơi không bị, [kinh Phật] sẽ được bảo tồn. Vì thế, số lượng càng nhiều càng an toàn. Khắc vào đá xong xuôi, cất trong danh sơn, nếu phát sanh động đất, những kinh ấy bị tiêu hết! Chúng ta chẳng thể không bận tâm: Nếu bị động đất thì làm như thế nào đây? Vì thế, ấn hành lưu thông tốt hơn bất cứ cách nào khác. Sau đấy, có một năm tôi sống ở Tân Gia Ba, có một vị cư sĩ cúng dường món tiền năm trăm vạn Mỹ Kim, món tiền ấy rất đáng kể. Chuyện đầu tiên tôi nghĩ đến là in thạch kinh ở Phòng Sơn để lưu thông, có thể in một ngàn bộ. Tôi thương lượng chuyện này với cục tôn giáo của Trung Quốc, vẫn chẳng có cách nào thỏa nguyện. Chẳng phải là đơn vị ấy không đồng ý, mà là cá nhân chẳng đồng ý. Vì thế, chuyện này chẳng thể hoàn thành, tiền giữ lại đó chẳng sử dụng vào đâu được! Năm trước, Thương Vụ Ấn Thư Quán bắt đầu tái bản bộ Tứ Khố Toàn Thư, tôi nghĩ đây cũng là chuyện tốt lành, bèn mua từ Thương Vụ Ấn Thư Quán một trăm bộ, mỗi bộ là năm vạn Mỹ Kim, một trăm bộ là năm trăm vạn, dùng hết số tiền ấy. Hiện thời, sách đã in xong, chúng tôi biểu tặng quốc nội và hải ngoại, đó là quốc bảo của Trung Quốc. Bản gốc được Thương Vụ Ấn Thư Quán của Đài Loan sử dụng là từ Văn Uyên Các³, tức là bộ được biên chép tốt nhất trong bảy bộ thuở ấy, cất giữ trong hoàng cung. Tuy chẳng phải là in sách Phật, nhưng đó là truyền thống văn hóa Trung Hoa. Văn hóa truyền thống Trung Hoa là cơ sở [để học hỏi] Phật pháp. Chẳng có truyền thống văn hóa Trung Hoa, học Phật nhất định phải tạo lập cơ sở vững vàng từ Tiểu Thừa. Trong tương lai, tại đạo tràng này sẽ cất giữ một bộ. Vì thế, phải thường nghĩ làm thế nào để có thể bảo tồn Phật pháp lâu dài? Hiện thời, tuy khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta hãy nghĩ, nếu vạn nhất có một ngày đại tai nạn hủy sạch khoa học kỹ thuật, chẳng có điện thì sẽ làm như thế nào đây? Computer, đĩa CD/DVD đều chẳng dùng được, đều biến thành phế vật! Có thể như vậy hay không?

³ Văn Uyên Các (文淵閣, tên Mãn Châu là Śu Songkon Asari) chính là tàng thư lâu của triều đình nhà Thanh. Kiến trúc nằm phía Bắc điện Văn Hoa, thuộc trong phạm vi của Tử Cấm Thành. Thật ra, công trình này được kiến tạo vào đời Vĩnh Lạc nhà Minh. Cũng giống như Văn Uyên Các thuộc cố cung Nam Kinh, Văn Uyên Các ở Bắc Kinh cũng nằm ở góc Đông Nam cửa Tả Thuận, và đã hư hại theo thời gian. Đến thời Càn Long, nhà vua hạ lệnh xây Văn Uyên Các phía sau điện Văn Hoa trên nền cũ của Thánh Tế Điện, mãi đến năm Càn Long 41 (1776) mới dựng xong, chủ yếu để lưu trữ Tứ Khố Toàn Thư và Khâm Định Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành. Sau khi xây xong, mỗi tháng vua ra lệnh cho các đại học sĩ mở một buổi kinh diên (khóa giảng về kinh sách Nho giáo) cho các học trò Quốc Tử Giám tại đó.

Có thể lắm chứ! Vì thế, phương pháp thật sự vẫn là in thành sách tốt hơn, lưu thông với một số lượng lớn. Đó là truyền kinh điển.

“*Truyền Phật tâm ấn*”: Đây là Thiên Tông. Tôn giả A Nan là tổ sư đời thứ hai của Thiên Tông. Sơ Tổ Thiên Tông là tôn giả Ca Diếp. Ngài Ca Diếp truyền cho ngài A Nan; trong Thiên Tông, ngài A Nan là Nhị Tổ. Quý vị thấy “*truyền Giáo, truyền Tông*”, Tông là Thiên Tông. Không chỉ là như vậy, Ngài còn truyền dạy Mật Tông, nên Ngài là nhân vật then chốt truyền thừa đại giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tiếp đó là nói tới kinh điển Mật Tông. Trong Liên Hoa Sanh Đại Sĩ Ứng Hóa Nhân Duyên Kinh có nói: “*Mật Giáo Sơ Tổ Liên Hoa Sanh đại sĩ tùng A Nan thọ Thích Tôn dự chúc truyền phó chi Mật Pháp*” (Sơ Tổ Mật Giáo là đại sĩ Liên Hoa Sanh đã từ ngài A Nan nhận lãnh sự phó chúc truyền thừa Mật Pháp của đức Thích Ca). Thích Ca Mâu Ni Phật đã đem Mật Pháp truyền sẵn cho ngài A Nan, để ngài A Nan truyền lại cho Liên Hoa Sanh đại sĩ, cho thấy Ngài xác thực là truyền nhân của Mật Tông. “*Hựu Thai Tạng Giới Mạn Đà La Sao tam viết: A Nan mật hiệu Tập Pháp Kim Cang*” (Sách Thai Tạng Giới Mạn Đà La Sao, quyển ba viết: “Ngài A Nan có mật hiệu là Tập Pháp Kim Cang”), Mật là Mật Tông. Trong danh hiệu của Mật Tông, tôn giả A Nan có hiệu là Tập Pháp Kim Cang. “*Thử hựu hiển A Nan chi Bốn, cái Kim Cang tức Phật dã*” (điều này lại hiển thị Bốn của A Nan, vì Kim Cang chính là Phật). Mật Tông gọi Kim Cang là Phật, [A Nan] đã thành Phật. “*Cố tri A Nan hộ trì Phật pháp thị kỳ bốn nguyện*” (do vậy, A Nan hộ trì Phật pháp chính là bốn nguyện của Ngài). Trong lúc tu nhân, trong khi tu hành, Ngài đã phát nguyện hộ trì Phật pháp, hết sức yêu mến Phật pháp. Điều này có mối quan hệ với tập khí đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. “*Hiện tắc thị hiện vi Phật thị giả*” (nay thì thị hiện làm thị giả của đức Phật), lần này, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, Ngài đến thị hiện làm thị giả của đức Phật. “*Tục Phật huệ mạng, kế vãng khai lai, cố ư bốn kinh đương cơ*” (tiếp nối huệ mạng của Phật, tiếp nối quá khứ dẫn đến tương lai. Do vậy, trong kinh này, Ngài là đương cơ), điều này chỉ rõ ngài A Nan và Tịnh Tông có duyên hết sức sâu đậm. Đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, Ngài là người khai thỉnh đầu tiên. Thấy đức Phật phóng quang, hiện tướng lành, Ngài liền thay mặt đại chúng hướng về đức Phật thỉnh pháp, khiến cho đức Phật nói ra pháp môn này. “*Nãi năng thiện tự tư duy, phát thử diệu vấn*” (bèn có thể tự khéo tư duy, nêu ra câu hỏi hay khéo này). Khá nhiều kinh giáo đều do có người khai thỉnh rồi đức Phật mới nói. [Những kinh] không có ai khai thỉnh, mà đức Phật tự nói, rất ít, không nhiều lắm, nhưng đức Phật Thuyết A Di Đà Kinh là không có ai hỏi mà tự nói, không có ai khai thỉnh. Không có ai khai thỉnh mà đức Phật cũng nói là do thấy duyên của chúng sanh đã chín muồi, đức Phật bèn tuyên bố pháp môn ấy, giảng giải cùng mọi người. Mọi người có thể tin, có thể hiểu, có thể hành,

có thể chứng, đó gọi là “*duyên của chúng sanh chín muồi*”. Tuy chẳng có ai khái thỉnh, đức Phật cũng nói ra. Kinh như vậy, đức Thế Tôn trong bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp có nói, nhưng không nhiều lắm.

“*Sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh*” (Các căn nơi sắc thân, vui sướng thanh tịnh). Trong hai câu kinh văn này, chữ “*chư căn*” chỉ sắc tướng, tức là thân thể chúng ta, năm căn nơi thân thể là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. “*Duyệt dự*” (悅豫) là vui sướng. “*Thanh tịnh, Gia Tường Sớ viết: Quang hiển dã*” (Thanh tịnh: Gia Tường Sớ giảng: “Sáng ngời, rõ rệt”), dùng “sáng ngời, rõ rệt” để giải thích thanh tịnh. “*Hựu Bảo Tích kinh viết: Như Lai thân giả, tự tánh thanh triệt, hà dĩ cố? Như Lai cứu dĩ viễn ly nhất thiết phiền não chư cấu uế cố*” (Kinh Bảo Tích lại chép: “Thân Như Lai tự tánh trong trẻo, vì có sao? Vì Như Lai từ lâu đã xa lìa hết thấy phiền não và các cấu uế”). Há có lẽ nào thân Phật chẳng thanh tịnh? Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng hoàn toàn đều đoạn hết; vì thế, thân tâm thanh tịnh. Trong kinh giáo thường tán thán chư Phật Như Lai là “*Kim Cang bất hoại thân*”. Kim Cang hình dung sự kiên cố, trong bất hoại còn có thanh tịnh. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta đọc thấy đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, thân này là tướng hảo. Nói cách khác, thân mỗi người và thân Phật chẳng khác. Thân gì vậy? Thân hiện tiền, tức là cái thân hiện tại của chúng ta và thân Phật chẳng khác gì nhau. Nơi chúng ta đang sống và Tịnh Độ chẳng khác gì nhau. Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã nói: “*Thân ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là thân ta*”. “*Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”, nói như vậy là đúng, chẳng hề nói sai. Vì sao? Vì các Ngài đã đoạn hết tập khí phiền não, nên thân tâm thanh tịnh hiện tiền. Nỗi phiền phức của chúng ta trong hiện thời là gì? Bị nhuốm bần: Thân bị tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ nhuốm bần, tâm bị tham, sân, si, mạn, nghi nhuốm bần, đạo lý là như thế đó. Nếu buông tham, sân, si, mạn, nghi trong tâm xuống, buông tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp nơi thân xuống, quý vị và Phật sẽ chẳng khác gì nhau. Thân Phật và thân chúng sanh không hai, không khác. Lời này là thật, chẳng giả.

Lục đạo chúng sanh một thân lắm bệnh, bệnh do đâu mà có? Tham, sân, si, mạn, nghi là gốc bệnh của quý vị, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là ngoại duyên khiến quý vị bị nhiễm bệnh. Mừng, giận, buồn, vui là nội duyên khiến quý vị bị nhiễm bệnh. Nhân duyên trọn đủ, quý vị bị bệnh, đạo lý là như thế đó. Rất khó đoạn cái nhân, đó là tập khí phiền não, chẳng dễ đoạn. Đoạn được, quý vị sẽ chứng quả! Nếu có thể đoạn hết duyên, đoạn duyên như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy; quý vị có thể chịu khổ, có thể trì giới, thân tâm thanh tịnh, sẽ được tự

tại. Nếu nói: “Thật sự buông xuống ngũ dục, lục trần, buông thất tình ngũ dục xuống, con người đúng là chẳng có gì vui sướng, học Phật để làm cái quái gì?” Đức Phật đã nêu gương, học Phật là lìa khổ, được vui. Những gì là khổ? Thất tình ngũ dục là khổ, thân tâm quý vị chẳng khỏe mạnh, thân tâm bị nhiễm ô. Đức Phật dạy chúng ta toàn là những lẽ thật, chẳng giả tí nào, bản thân chúng ta phải biết, phải hiểu rõ. Vì thế, phải học thân Như Lai tự tánh trong trời, chúng ta phải học theo Phật xa lìa hết thấy phiền não. Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não thấy đều buông xuống.

“*Như Lai thân giả, xuất quá thế gian, hà dĩ cố? Bất vị thế pháp chi sở nhiễm ô cố*” (Thân Như Lai vượt trội thế gian, vì có nào? Chẳng bị nhiễm bần bởi pháp thế gian). Quý vị chẳng còn bị ô nhiễm bởi tất cả các pháp thế gian. Chẳng bị ô nhiễm thì có hai biện pháp:

1) Phương pháp nông cạn là chúng ta xa lìa, không tiếp xúc nó. Đó là biện pháp trị đẳng ngọn, chẳng phải là trị tận gốc.

2) Nếu có Thiền Định sâu, chúng ta tu học bất cứ pháp môn nào cũng đắc tam-muội, từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, xa lìa ở một mức độ càng sâu hơn. Chẳng có tâm xa lìa mà trong hết thấy các pháp, tự nhiên chẳng khởi tâm không động niệm, đó là thật sự lìa.

“*Nãi chí Như Lai thân giả, như tịnh kính trung vi diệu chi tượng, như tịnh thủy trung minh mãn chi nguyệt*” (cho đến thân Như Lai như hình ảnh vi diệu trong gương trong sạch, như mặt trăng tròn sáng trong nước sạch). Đây là tỷ dụ, rất giống với hình ảnh được chiếu bởi tấm gương sạch lâu, hình ảnh hiển hiện trong gương. Lại giống như trong nước sạch, nước ấy sạch sẽ, chẳng nổi sóng, trăng hiện bóng trong nước. “*Tổng thượng dẫn chứng, kinh văn thích vi: Dương thời Thế Tôn, nhãn đẳng ngũ căn, đồng hiện hỷ dung*” (Tổng hợp những điều vừa dẫn trên đây, có thể giải thích kinh văn như sau: Lúc ấy, đức Thế Tôn nơi năm căn như mắt v.v... đều hiện vẻ vui sướng), nói rõ vì sao đức Phật phóng quang? Vì sao hiện tướng hoan hỷ ấy? Hoan hỷ! “*Tâm trung an lạc, diệu tướng thanh triệt*” (Trong lòng an lạc, diệu tướng trong sáng, rạng ngời). Cổ nhân nói là “*người gặp việc vui sướng, tinh thần sáng khoái*”. Khi đức Phật hiện tướng ấy, chúng ta biết là do tâm Phật biểu hiện ra, những điều này đều thuộc về thị hiện, trong lòng an lạc, diệu tướng bèn trong sáng, rạng ngời. “*Như kính trung ảnh, như thủy trung nguyệt*” (như ảnh trong gương, như trăng trong nước), ảnh trong gương và bóng trăng trong nước bao hàm ý nghĩa sâu xa “*bất tức, bất ly*” (chẳng phải chính là, mà cũng chẳng phải là tách lìa), vừa không, vừa có. Có và Không chẳng hai!

“*Quang minh viên mãn, tịnh nhược vô hình, hòa duyệt hoan hỷ, thanh tịnh trang nghiêm*” (quang minh viên mãn, trong sạch như không có hình chất, hoan hỷ, sung sướng, thanh tịnh trang nghiêm), đây là lý do vì sao đức Phật an lạc, vui sướng? “*Tịnh Ảnh Sớ viết: Hỷ hữu nhị nghĩa*” (Tịnh Ảnh Sớ nói: “Hỷ có hai nghĩa”), giải thích cho chúng ta biết đức Phật hoan hỷ là có hai ý nghĩa biểu thị pháp:

1) “*Niệm Di Đà Phật sở thành hạnh đức khả khánh, cố hỷ*” (nghĩ đến hạnh đức đã thành tựu của Phật Di Đà đáng vui mừng, nên hoan hỷ). Đây là Phật niệm Phật. Trong phần trước, ngài A Nan đã hỏi: “Nay đức Phật hoan hỷ, có lẽ nhất định là niệm Phật, niệm quá khứ hay vị lai Phật, hay niệm đức Phật ở phương khác trong hiện tại?” Ngài A Nan từng hỏi câu ấy. Vì thế, ở đây chỉ rõ: Niệm A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật nghĩ tới hạnh đức đã thành tựu của A Di Đà Phật đáng vui mừng nên hoan hỷ.

2) “*Niệm chúng sanh đắc ích thời chí, cố hỷ*” (Nghĩ chúng sanh đã đến lúc được lợi ích nên hoan hỷ). Duyên của chúng sanh với Tịnh Độ đã chín muồi, cũng có nghĩa là chúng sanh có thể tiếp nhận pháp môn này. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế giới này, nói theo thực tế, mục đích thật sự là để tuyên dương pháp môn này.

Ai đã nói lời ấy? Thiện Đạo đại sư vào thời Đường đã nói. Thiện Đạo đại sư là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông. Ở chỗ này, phải nói kèm thêm cho rõ với các đồng học. Tổ sư Tịnh Độ Tông chẳng phải là đời đời truyền cho nhau, chẳng phải là truyền thừa, mà là dân chủ. [Các vị tổ sư Tịnh Độ Tông] được mọi người công nhận, chọn lựa, chẳng phải là truyền thừa từng thế hệ một. Vào thời đại ấy, vị đại đức đó tu học, hộ trì Tịnh Độ Tông hữu lực nhất, có thành tựu nhất, người đời sau bèn chọn Ngài làm Tịnh Tông tổ sư, chẳng phải là truyền thừa. Do đó, Tịnh Tông đến hiện thời chỉ có mười ba đời. Quý vị thấy mỗi tông phái đều có mấy chục đời, tối thiểu cũng là bảy, tám mươi đời, Tịnh Tông mới là mười ba đời. Thời đại nào chẳng có người [phù hợp tiêu chuẩn] bèn chẳng chọn. Do đó, [tổ sư Tịnh Độ] là do dân chủ mà có, nhất định được mọi người công nhận. Không dễ dàng! Duyên thành tựu của chúng sanh đối với Tịnh Độ chẳng dễ dàng, lẽ nào đức Phật chẳng hoan hỷ? Vì sao? Thành tựu trong một đời.

Vì lẽ đó, Thiện Đạo đại sư đã nói hai câu: “*Chư Phật sở dĩ xuất thế, chỉ để nói biến bốn nguyện của Phật Di Đà*”, nêu rõ vì sao chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian? Xuất hiện trên thế gian vì chuyện gì? Vì chuyện này, giới thiệu pháp môn Tịnh Độ cùng mọi người, khuyên mọi người hãy chân tín, chân nguyện, thật sự niệm Phật, trong đời này quyết định được sanh về Tịnh Độ. Người chỉ cần vãng sanh Tịnh Độ bèn thành Phật, lời này là thật,

chẳng giả! Vì sanh về thế giới Cực Lạc, dầu phiền não chẳng đoạn một phẩm nào, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đông Cự, đó là mức độ thấp nhất, sanh về thế giới Cực Lạc, đều được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là thành Phật. Quý vị thấy Thiên Tông nói “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đó là hạng người nào? Đó là A Duy Việt Trí Bồ Tát, kiến tánh thành Phật. Người ấy (người hạ hạ phẩm vãng sanh) có kiến tánh hay không? Chẳng kiến tánh! Có sao chẳng kiến tánh mà cũng thành Phật? Do Phật lực gia trì người ấy, nên thần thông và đạo lực liền bằng với minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, người ấy có năng lực cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Chúng sanh có cảm, người ấy có ứng, đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn có thể hiện thân Phật. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ, chính là cái được gọi là “pháp khó tin” trong Tịnh Độ.

Quý vị nói với kẻ bình phàm trong Giáo Hạ, họ sẽ lắc đầu, chẳng tin, há có đạo lý ấy! Tức là chẳng tin tưởng vào sự gia trì do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật, cho nên khó tin. Khó tin mà chúng ta có thể tin, nay chúng ta tin tưởng, dựa vào đâu?

1) Điều thứ nhất là thiện căn sâu dày trong đời quá khứ. Điều này là khẳng định.

2) Điều thứ hai, nếu thiện căn chẳng đủ sâu dày, trong một đời này, do huân tu kinh giáo Đại Thừa trong một thời gian dài, cũng có thể nâng cao thiện căn lên tới một mức độ nhất định. Điều này phải có duyên phận.

Bản thân tôi đối với Tịnh Tông thiện căn chẳng đủ sâu dày. Nếu chẳng có sự huân tu bằng kinh giáo Đại Thừa trong nhiều năm ngàn ấy, tôi vẫn chẳng tin tưởng, không dễ dàng! Thuở trẻ, lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy tôi Tịnh Độ, khuyên dạy tôi hãy nghiêm túc học tập, tôi chẳng dám chống trái thầy, nhưng chẳng làm theo. Đi theo con đường của ngài A Nan, chẳng nghiêm túc tu tập mà cứ học rộng nghe nhiều, hết sức ưa thích kinh giáo, nhất là đối với Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm. Tôi kể cùng chư vị đoạn lịch sử này.

Tôi tin tưởng Tịnh Độ là nhờ Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm là khóa trình chủ tu của tôi thuở trẻ. Tôi nhớ đã giảng bảy lần, nhưng trong bảy lần chỉ có hai lần giảng viên mãn, năm lần khác chẳng giảng viên mãn. Về sau, giảng kinh Hoa Nghiêm. Mười mấy năm sau, khi đã giảng kinh Hoa Nghiêm được một nửa, đột nhiên có một ngày nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền học pháp môn gì? Kinh Hoa Nghiêm vẫn chưa nói đến. Trong phần sau, lật đến phần sau của kinh điển, lật đến quyển ba mươi chín của Tứ Thập Hoa Nghiêm, trong đó có nói. Nguyên lai, Văn Thù và Phổ Hiền đều

niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Lại chú tâm quan sát Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử là đệ tử nhập thất của Văn Thù Bồ Tát, là môn sinh đặc ý, là truyền nhân của Ngài, sở học và sở truyền chắc chắn vâng theo thầy, chẳng thể nào khác thầy được! Chú tâm xem kỹ phần năm mươi ba lần tham học, quả nhiên chẳng sai! Quý vị thấy: Vị thiện tri thức đầu tiên, người Hoa nói “*điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu*”, là tỳ-kheo Cát Tường Vân, Ngài tu pháp môn gì? Ban Châu tam-muội, chuyên tu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đối với vị thứ nhất, Trung Hoa và Ấn Độ đều có cùng cách nói “*điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu*”, có quan hệ lớn nhất. Vị cuối cùng trong năm mươi ba lần tham học là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ: Thiện Tài đồng tử vốn là chuyên tu Tịnh Độ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, thành tựu trong một đời. Trong ấy, năm mươi ba lần tham học là khóa trình tu học ắt cần phải có nhằm hoằng pháp và hộ pháp, chứ để cho chính mình thành tựu thì một môn là đủ rồi. “*Hoằng hộ*” (hoằng pháp và hộ pháp) thì hết thầy đều phải hiểu, hoằng hộ là gì? Thành tựu Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết.

Khi nào, Ngài mới đi tham học? Đã đạt được Căn Bản Trí. Trong hội Văn Thù, Ngài đắc Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”. Sau đó, tham học là “*không gì chẳng biết*”, chính là Hậu Đắc Trí. Hai thứ trí huệ viên mãn thì mới có thể nói đến chuyện hoằng hộ! Nhưng học Hậu Đắc Trí thì nhất định phải là đã đạt Căn Bản Trí; chưa đạt được Căn Bản, lấy đâu ra Hậu Đắc? Giống như trồng cây, Hậu Đắc Trí là cành lá. Chẳng có căn bản, lấy đâu ra cành lá? Khó khăn lớn nhất của người hiện thời là chẳng có căn bản mà đã muốn làm chuyện cành lá; do đó, toàn bộ cành lá đều thất bại. Nói theo Tứ Hoằng Thệ Nguyện, “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*” là Căn Bản Trí, “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*” là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch, người biết học phải y giáo phụng hành. Vì vậy, khi chưa thành tựu Căn Bản Trí, sở học của chúng ta thấy đều vì cầu Căn Bản Trí. Trong giai đoạn ấy, nhất định là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Thâm nhập một môn thì quý vị mới có thể đắc Định, trong Phật pháp gọi là tam-muội. Sau khi thành tựu tam-muội, trí huệ liền khai. Trí huệ ấy là Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Trong kinh này, chúng ta nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là Căn Bản Trí. Cả ba điều ấy quý vị đều đạt được, nên quý vị học Hậu Đắc Trí rất mau chóng, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ toàn bộ. Khi ấy, học tập vô cùng nhanh chóng, quý vị chẳng có chướng ngại. Phiền Não Chướng chẳng có, mà Sở Tri Chướng cũng chẳng có.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Quang nhan nguy nguy*”, “*Quang*” (光) là quang minh, “*nhan*” (顏) là dung nhan. Vô Lượng Thọ Kinh Tiên Chú là tác phẩm [chú giải kinh Vô Lượng Thọ] của cư sĩ Đinh Phước Bảo [đã viết]: “*Phật chi nhan hữu quang*” [nghĩa là] khuôn mặt tỏa ánh sáng, nên gọi là “*quang nhan*”. “*Nguy nguy, cao đại tôn thắng chi mạo*” (vòi vọi là diện mạo cao, lớn, tôn quý, thù thắng). “*Gia Tường Sớ viết: Nguy nguy ngôn đức thịnh, cao hiển*” (Chữ “vòi vọi” ý nói đức nhiều, cao cả, rõ rệt). Phật là bậc đại đức. Người hiện thời nói là đức Phật phong độ, dáng vẻ rạng rỡ, đều nhằm nói tới ý nghĩa “đức thù thắng, cao cả, rạng rỡ” từ trong nội tâm phát ra. Người hiện thời chẳng có [phong thái ấy], nhưng họ dùng cách hóa trang, hoàn toàn là bề ngoài. Đặc biệt khi lên sân khấu biểu diễn, nhất định phải hóa trang, khiến cho họ trước ống kính đều là “*quang nhan nguy nguy*”, cũng có tình hình ấy. Vì thế, lên sân khấu luôn có chuyên viên hóa trang, có người chuyên nghiệp giúp quý vị, còn ở đây là tự nhiên. “*Tổng biểu Phật chi đức dung*” (Nói chung, câu này diễn tả vẻ mặt của Phật viên mãn các đức), đức ở bên trong, dung mạo ở bên ngoài. “*Hiển diệu quang minh, siêu ư nhất thiết*” (rạng ngời quang minh hơn hẳn hết thảy), “*hết thảy*” là nói các vị Bồ Tát từ Đẳng Giác trở xuống, không ai có thể sánh bằng Phật. “*Hiển*” (顯) là rõ rệt, “*diệu*” (曜: chiếu sáng) cũng là như trong phần trước đã nói “*mây trăm ngàn biến hóa*”, có ý nghĩa này. Trí huệ và đức năng của Phật đều từ tướng hảo mà thấu lộ, vượt trội hết thảy, Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng. Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, nhân dân đương nhiên càng chẳng sánh bằng.

Đối với những điều được nói trong kinh, chúng ta ắt cần phải biết, những gì Phật có, chúng ta hoàn toàn đều có, nghe xong cũng chẳng cần phải hâm mộ, chúng ta chẳng kém Phật mảy may nào! Vì sao hiện thời chẳng hiển lộ? Phải biết: Vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nói cách khác, nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, hiện tướng ấy bèn hiện tiền. Chúng ta thật sự muốn, nay đang thuộc địa vị phàm phu, thật sự mong muốn, mong mỗi trí huệ và đức tướng đều có thể viên mãn như Phật, hãy nghiêm túc thật sự thực hiện. Nghiêm túc thật sự thực hiện thì chẳng thể quên Tam Học Giới, Định, Huệ. Thứ tự nhất định là nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Nếu nghĩ ta chẳng cần giới luật, thứ này quá phiền phức, ta thực hiện từ Định và Huệ, có được hay không? Chẳng được! Quý vị chẳng đắc Định, chẳng thể khai Huệ. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều đi theo con đường này mà thành tựu. Chúng ta chẳng noi theo đường cũ, tự mình mong khai sáng một con đường mới, phiền phức to lớn! Quý vị chỉ nên đi theo đường xưa, đường xưa chỉ có một lối, tự mình muốn khai sáng con đường mới, người hiện thời

mong sáng tạo, càng sáng tạo càng nát be nát bét. Đúng là “*chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt*”. Những người già trong nhiều đời, nhiều thế hệ đều đi theo con đường xưa cũ này, quý vị ngỡ là hiện thời khoa học phát triển, phải sáng tạo cái mới, quý vị cứ làm thử xem! Chớ nên không biết điều này, chẳng thể không tôn trọng tổ tiên, chẳng tôn trọng người trước. Nếu có may mắn ý nghĩ ngạo mạn nào, ta sống trong thế kỷ hai mươi mốt, là thời đại khoa học kỹ thuật phát triển, lẽ nào đi theo họ? Quý vị không đi theo họ, con đường của quý vị là tam đồ, khẳng định là ở trong tam đồ, chúng ta chớ nên không biết điều này! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.